

Họ và tên: Lớp:

TOÁN 4 – BÀI 1: ÔN LUYỆN CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000

Bài 1. Viết mỗi số sau thành tổng giá trị các chữ số của nó.

a) Số 4256 viết thành tổng giá trị các chữ số của nó là
.....

b) Số 97 152 viết thành tổng giá trị các chữ số của nó là
.....

c) Số 75 094 viết thành tổng giá trị các chữ số của nó là
.....

d) Số 19 403 viết thành tổng giá trị các chữ số của nó là
.....

Bài 2. Sắp xếp các số trong mỗi ý theo thứ tự từ bé đến lớn. Điền dãy số đã sắp xếp vào chỗ trống, các số cách nhau bằng dấu chấm phẩy.

a) Các số: 6657; 1566; 8531; 1186. Thứ tự từ bé đến lớn là:
.....

b) Các số: 68 489 360; 22 535 964; 72 767 420; 99 444 347. Thứ tự từ bé đến lớn là:
.....

c) Các số: 761 598 072; 961 934 533; 213 515 274; 679 078 789. Thứ tự từ bé đến lớn là:
.....

d) Các số: 531 341; 526 690; 67 989; 292 030. Thứ tự từ bé đến lớn là:
.....

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ trống theo cách đọc đã cho.

a) Chín nghìn chín trăm linh chín viết là

b) Ba mươi chín nghìn một trăm lẻ bốn viết là

c) Bảy mươi lăm nghìn không trăm linh sáu viết là

d) Ba mươi một nghìn không trăm năm mươi tám viết là

Bài 4. Trong mỗi số, hãy điền tên hàng của chữ số được nêu.

a) Trong số 73 068, chữ số 3 thuộc hàng

- b) Trong số 71 036, chữ số 7 thuộc hàng
- c) Trong số 489 318, chữ số 3 thuộc hàng
- d) Trong số 520 063, chữ số 5 thuộc hàng
- e) Trong số 905 728, chữ số 2 thuộc hàng
- f) Trong số 714 609, chữ số 0 thuộc hàng
- g) Trong số 23, chữ số 3 thuộc hàng
- h) Trong số 2879, chữ số 7 thuộc hàng

Bài 5. Điền số còn thiếu trong mỗi dãy số lẻ liên tiếp sau.

- a) Dãy số:; 734 787; 734 789; 734 791; 734 793
- b) Dãy số: 35 909; 35 911; 35 913;; 35 917
- c) Dãy số: 484 771; 484 773; 484 775; 484 777; 484 779; 484 781;
- d) Dãy số: 501 705; 501 707; 501 709;; 501 713

Bài 6. Điền số thích hợp vào chỗ trống để được tổng giá trị các chữ số đúng.

- a) $35\ 012\ 741 = 30\ 000\ 000 + 5\ 000\ 000 + 10\ 000 + 2000 + 700 + \dots + 1$
- b) $7298 = \dots + 200 + 90 + 8$
- c) $867\ 763\ 487 = \dots + 60\ 000\ 000 + 7\ 000\ 000 + 700\ 000 + 60\ 000 + 3000 + 400 + 80 + 7$
- d) $673\ 777 = 600\ 000 + 70\ 000 + 3000 + 700 + 70 + \dots$

Bài 7. Viết cách đọc đúng của mỗi số sau.

- a) Số 61 057 đọc là
-
- b) Số 75 430 đọc là
-
- c) Số 1078 đọc là
-
- d) Số 0 đọc là

Bài 8. Tìm số liền trước của mỗi số sau rồi điền vào chỗ trống.

- a) Số liền trước của 1000 là b) Số liền trước của 36 577 là
- c) Số liền trước của 69 919 là d) Số liền trước của 44 324 là

e) Số liền trước của 78 086 là

f) Số liền trước của 62 075 là

g) Số liền trước của 9739 là

h) Số liền trước của 94 849 là

Bài 9. Theo thống kê mới nhất, dân số xã Phú Sơn là 27 538 người. Làm tròn số dân đó đến hàng nghìn.

Số dân sau khi làm tròn đến hàng nghìn là bao nhiêu người?

Bài giải

Bài 10. Bảng sau ghi khối lượng gạo đang chứa ở bốn kho hàng.

Kho hàng	Khối lượng gạo đang chứa (kg)
Kho Phú Quý	41 986
Kho Hòa Phát	26 187
Kho Minh Tâm	14 089
Kho An Bình	17 420

Hãy viết tên các kho hàng theo thứ tự số liệu từ ít đến nhiều.

Bài giải

Bài 11. Nối mỗi số với tổng giá trị các chữ số tương ứng.

256

$3000 + 300 + 10 + 2$

8861

$200 + 50 + 6$

10 378

$8000 + 800 + 60 + 1$

4852

$10\ 000 + 300 + 70 + 8$

3312

$4000 + 800 + 50 + 2$

Bài 12. Nối mỗi số với cách đọc đúng.

5003	sáu mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi bảy
64 805	hai trăm tám mươi chín
76 820	sáu mươi tư nghìn tám trăm linh năm
289	bảy mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi
64 267	năm nghìn không trăm lẻ ba
16 598	mười sáu nghìn năm trăm chín mươi tám

Bài 13. Nối mỗi số liệu thực tế với kết quả làm tròn đến hàng trăm nghìn đúng.

Điện thoại học tập: 48 130 903 đồng	48 100 000 đồng
Điện thoại thông minh: 9 533 601 đồng	6 900 000 đồng
Xe đạp địa hình: 6 933 701 đồng	9 500 000 đồng
Xe đạp thể thao: 12 963 048 đồng	13 000 000 đồng

Bài 14. Cô giáo đưa ra một số thẻ chữ số và yêu cầu cả lớp suy luận. Em hãy tìm số chẵn lớn nhất có thể lập được theo yêu cầu dưới đây.

Dùng tất cả các chữ số 6; 7; 3; 4 để lập một số chẵn lớn nhất. Mỗi chữ số chỉ được dùng đúng số lần xuất hiện trong đề và chữ số đầu tiên không được là 0. Em hãy trình bày cách chọn chữ số tận cùng và cách sắp xếp các chữ số còn lại.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....